

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 65 /2006/QĐ -UBND

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 12 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
 Căn cứ Luật Ngân sách, Luật Đầu tư và các Văn bản hướng dẫn thi hành;
 Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 03/12/2004;
 Căn cứ Quyết định số 305/1999/QĐ/UB - XD ngày 12/02/1999 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc " Thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh ";
 Xét đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh tại Văn bản số 10/HĐQL ngày 30/10/2006;
 Sau khi có báo cáo thẩm định số 5552/BC- STP ngày 20/11/2006 của Sở Tư pháp;

QUYẾT ĐỊNH:

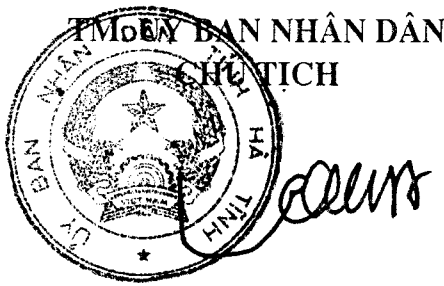
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 543/QĐ/UB- XD ngày 10/4/2000 của UBND tỉnh về việc " Ban hành Quy chế hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh";

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, các Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ Hỗ trợ đầu tư tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Hà Tĩnh, Thủ trưởng các ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các Đ/c PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- Viên kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UB;
- Lưu VT - CN1.



Lê Văn Chất

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 12 năm 2006

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ HÀ TĨNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2006/QĐ- UBND
ngày tháng 12 năm 2006 của UBND tỉnh)

Chương I

MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ NGUỒN VỐN CỦA QUỸ

Điều 1. Quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh được thành lập nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trên địa bàn để hỗ trợ đầu tư phát triển, góp phần thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh có nhiệm vụ:

1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách địa phương, các nguồn vốn khác và huy động vốn để đầu tư phát triển.

2. Thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển thông qua các hình thức: Cho vay đầu tư, cho vay ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu; Hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

Điều 3. Hoạt động của Quỹ không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo đảm hoàn vốn và bù đắp chi phí, Quỹ được ngân sách tỉnh cấp vốn để hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, được cấp bù chênh lệch lãi suất huy động vốn và được bù đắp rủi ro khi thực hiện cho vay đầu tư.

Điều 4. Nguồn vốn của Quỹ bao gồm:

1. Vốn ngân sách tỉnh:

a. Ngân sách tỉnh cấp ban đầu và bổ sung hàng năm.

b. Cấp hỗ trợ lãi suất đầu tư theo kế hoạch hàng năm.

c. Cấp bù chênh lệch lãi suất vốn huy động.

2. Vốn huy động:

a. Các khoản tạm thời nhàn rỗi của ngân sách tỉnh.

b. Vốn vay tạm thời nhàn rỗi từ các Quỹ

c. Vốn tạm giữ chờ quyết toán và vốn bản hành công trình của các dự án đầu tư trên địa bàn Hà Tĩnh.

d. Các khoản huy động khác theo quy định.

3. Vốn đóng góp, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước cho tỉnh để đầu tư phát triển.

4. Vốn thu hồi nợ gốc, phần chênh lệch lãi suất thu được sau khi đã trừ các

khoản chi phí hoạt động của Quỹ.

5. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 5. Ủy thác Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh điều hành quản lý nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh theo Quy chế này.

Chương II

LẬP VÀ GIAO KẾ HOẠCH HÀNG NĂM

Điều 6. Kế hoạch tín dụng của Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh là một bộ phận của kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh, được UBND tỉnh giao hàng năm về nguồn vốn, tổng mức vốn cho vay, danh mục và mức vốn cho vay của các dự án nằm trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 7. Hàng năm, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh lập và báo cáo HĐQT Quỹ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt các kế hoạch sau:

a. Kế hoạch cho vay đầu tư, Kế hoạch hỗ trợ lãi suất đầu tư, kế hoạch trả nợ gốc và lãi vốn huy động.

b. Kế hoạch nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách cấp, vốn thu hồi nợ vay, vốn huy động.

Chương III

CHO VAY ĐẦU TƯ

Điều 8. Đối tượng cho vay đầu tư.

1. Các dự án trọng điểm của tỉnh (được UBND tỉnh quyết định cho vay một phần vốn từ Quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh).

2. Các dự án, chương trình có mức vốn vay dưới 10 tỷ đồng thuộc các lĩnh vực, ngành nghề tỉnh cần khuyến khích đầu tư theo danh mục do UBND tỉnh Quyết định trong từng thời kỳ:

Trong thời kỳ 2006-2010 bao gồm:

- a. Các dự án sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.
- b. Các dự án đầu tư sản xuất, chế biến trong khu kinh tế, các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp tập trung.
- c. Các dự án sản xuất chế biến nông, lâm, thủy hải sản sử dụng dây chuyền sản xuất chế biến công nghiệp, hiện đại.
- d. Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, có khả năng thu hồi vốn trực tiếp từ dự án.
- e. Các dự án đầu tư xây dựng nâng cấp mở rộng trường học.
- g. Các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng thu hồi vốn nhanh thuộc lĩnh vực khác cần khuyến khích đầu tư.

Điều 9. Điều kiện cho vay.

1. Thuộc đối tượng quy định tại Điều 8 Quy chế này;
2. Đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của Nhà nước;
3. Chủ đầu tư là tổ chức, cá nhân có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
4. Đối với dự án mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ thiết bị, chủ đầu tư phải có báo cáo tính hình tài chính thể hiện đảm bảo khả năng thanh toán;
5. Có phương án sản xuất kinh doanh có lãi;
6. Được Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh thẩm định và chấp thuận phương án tài chính phương án trả nợ trước khi quyết định đầu tư.
7. Thực hiện các quy định về bảo đảm tiền vay tại Điều 11 của Quy chế này.

Điều 10. Mức vốn, thời hạn và lãi suất cho vay.

1. Mức vốn cho vay đối với từng dự án tối đa không quá 70% tổng mức vốn đầu tư vào tài sản cố định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, số vốn còn lại chủ đầu tư phải huy động đủ trước khi ký kết hợp đồng tín dụng với cơ quan điều hành tác nghiệp.

2. Thời hạn cho vay: Được xác định phù hợp với đặc điểm, tính chất, khả năng hoàn vốn và vòng đời của dự án, nhưng tối đa không quá:

- a. 5 năm đối với các dự án đầu tư nâng cấp mở rộng.
- b. 10 năm đối với dự án đầu tư xây dựng mới.

3. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay đầu tư được xác định tối đa không quá 90% lãi suất cho vay dài hạn bình quân của các Ngân hàng thương mại trên địa bàn. Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh quyết định mức lãi suất cho vay đầu tư từng năm.

Lãi suất cho vay đối với một dự án được xác định tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và được giữ nguyên trong suốt thời hạn vay của dự án.

Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

4. Đối với các trường hợp đặc biệt ngoài quy định tại khoản 1,2,3 Điều 10 của Quy chế này, Hội đồng quản lý Quỹ trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 11. Bảo đảm tiền vay.

1. Các chủ đầu tư khi vay vốn đầu tư được dùng tài sản hình thành từ vốn vay để bảo đảm tiền vay.

Trong thời gian chưa trả hết nợ, chủ đầu tư không được chuyển nhượng, bán hoặc thế chấp, cầm cố tài sản đó để vay vốn nơi khác. Khi chủ đầu tư, đơn vị vay vốn không trả được nợ, hoặc giải thể phá sản, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh được xử lý tài sản hình thành bằng vốn vay như đối với tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2. Các dự án mà tài sản hình thành từ vốn vay không đủ điều kiện bảo đảm tiền vay, chủ đầu tư phải có tài sản khác có giá trị tương ứng với số vốn vay để thế chấp (trừ các dự án trường học).

3. Việc vay vốn không có tài sản bảo đảm tiền vay chỉ áp dụng đối với những dự án đặc thù, quan trọng và phải được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định cho vay.

1. Các dự án thuộc khoản 1 Điều 8: UBND tỉnh Quyết định mức vốn, lãi suất, thời hạn cho vay và giao cho Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh thực hiện việc cho vay và thu hồi nợ vay.

2. Các dự án thuộc khoản 2 Điều 8:

a. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay đối với những dự án có mức vốn vay trên 1 tỷ đồng.

b. Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh quyết định cho vay đối với những dự án có mức vốn vay tối đa 1 tỷ đồng.

Điều 13. Hồ sơ thẩm định dự án.

1. Hồ sơ liên quan đến năng lực pháp lý chủ đầu tư.

1.1. Chủ đầu tư là các tổ chức kinh tế:

a. Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)

b. Điều lệ hoạt động của Doanh nghiệp đối với doanh nghiệp có điều lệ hoạt động theo quy định của pháp luật (bản sao có xác nhận sao y bản chính của doanh nghiệp)

c. Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị, người đại diện pháp nhân (Tổng giám đốc, giám đốc, Chủ nhiệm hợp tác xã), Kế toán trưởng (Bản sao công chứng)

1.2. Chủ đầu tư là hộ cá nhân, gia đình:

a. Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Hồ sơ liên quan đến tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư:

a. Báo cáo tài chính có xác nhận của tổ chức kiểm toán trong 2 năm gần nhất và các báo cáo Quý gần nhất trước khi đầu tư (đối với doanh nghiệp đã hoạt động sản xuất kinh doanh trên 2 năm), hoặc của năm trước và các báo cáo của quý gần nhất trước khi đầu tư (đối với các doanh nghiệp đã hoạt động sản xuất kinh doanh chưa đủ 2 năm). Trường hợp chưa được kiểm toán phải có xác nhận hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan thuế (trường hợp chủ đầu tư là các tổ chức kinh tế).

b. Các văn bản có giá trị pháp lý xác nhận năng lực tài chính, quyền sử dụng đất.

c. Bảng kê danh mục giá trị tài sản thuộc sở hữu của chủ đầu tư có thể dùng

làm tài sản thế chấp vốn vay (trong trường hợp phải có tài sản thế chấp).

3. Hồ sơ liên quan đến phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của dự án:

a. Đơn xin vay vốn.

b. Dự án đầu tư được lập phù hợp với các nội dung quy định của Quy chế quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

c. Văn bản chấp thuận tài trợ vốn đối với dự án sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau.

d. Văn bản thẩm định của các cấp có thẩm quyền về môi trường, phòng chống cháy nổ, tái định cư

Điều 14. Hồ sơ vay vốn.

Sau khi có quyết định cho vay, trước khi ký kết Hợp đồng tín dụng Chủ đầu tư gửi bổ sung các hồ sơ sau:

1. Dự án đầu tư đã được bổ sung, hoàn chỉnh theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định dự án, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh, Cơ quan quyết định đầu tư.

2. Quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

3. Tổng dự toán hoặc dự toán hạng mục công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với Chủ đầu tư phải dùng tài sản bảo đảm tiền vay ngoài các tài liệu nêu trên, Chủ đầu tư còn phải gửi các tài liệu liên quan làm căn cứ cho hợp đồng bảo đảm tiền vay.

* Trường hợp đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay: tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng Chi nhánh Ngân hàng phát triển và chủ đầu tư phải ký xong hợp đồng nguyên tắc về việc bảo đảm tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Sau khi dự án hoàn thành đưa vào sản xuất sử dụng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoặc có văn bản cho phép được hạch toán tăng tài sản cố định, Chi nhánh Ngân hàng phát triển và chủ đầu tư ký hợp đồng bảo đảm tiền vay chính thức (hoặc phụ lục hợp đồng nguyên tắc nêu trên).

5. Các tài liệu nêu trên phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng Nhà nước.

Điều 15. Trình tự ký hợp đồng tín dụng.

1. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn theo quy định tại Điều 14 Quy chế này, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh phải xem xét và thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư để ký hợp đồng tín dụng theo nguyên tắc sau :

Hợp đồng tín dụng được ký một lần cho toàn bộ dự án, trong đó ghi tổng số vốn vay của toàn bộ dự án và mức vốn vay của năm đầu tiên, theo mẫu Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước do Ngân hàng phát triển Việt Nam ban hành.

Các nội dung chủ yếu của hợp đồng tín dụng gồm: Mục đích sử dụng vốn

vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay và tiến độ giải ngân, phương thức và thời hạn trả nợ, hình thức bảo đảm tiền vay và biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay; quyền và nghĩa vụ của các bên và các cam kết khác được các bên thoả thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Điều kiện ký hợp đồng tín dụng :

a) Chủ đầu tư đã gửi đủ hồ sơ vay vốn theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

b) Đã bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ theo đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh.

c) Đối với chủ đầu tư khi vay vốn phải có tài sản thế chấp, hợp đồng tín dụng chỉ được ký sau khi đã ký hợp đồng thế chấp tài sản. Hợp đồng thế chấp tài sản được coi là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng tín dụng.

3. Trước khi ký hợp đồng tín dụng hoặc đang trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, nếu phát hiện chủ đầu tư có biểu hiện vi phạm pháp luật hoặc dự án không có hiệu quả, không đảm bảo khả năng trả nợ, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh có quyền đình chỉ việc ký kết hoặc không thực hiện hợp đồng tín dụng và báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư và cấp quyết định cho vay.

Điều 16. Cấp vốn vay.

Thực hiện theo quy định của Ngân hàng phát triển Việt Nam đối với vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

Điều 17. Quyết toán vốn đầu tư.

1. Khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung lập, thẩm tra và phê duyệt báo cáo quyết toán công trình hoàn thành thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh có trách nhiệm kiểm tra xác nhận tổng số vốn đã cho vay, số dư nợ và số lãi phát sinh đến thời điểm dự án hoàn thành đưa vào sử dụng (kể cả số lãi đã thu và số lãi chưa thu) và nhận xét đánh giá tình hình quản lý sử dụng vốn vay để người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt báo cáo quyết toán.

Điều 18. Trả nợ vay.

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm và phải chủ động trả đủ nợ (gốc và lãi) theo quy định trong hợp đồng tín dụng (Phụ lục hợp đồng tín dụng) đã ký. Nguồn trả nợ bao gồm toàn bộ chi phí khấu hao và các nguồn thu phí sử dụng tài sản hình thành bằng vốn vay, lợi nhuận sau thuế và các nguồn vốn hợp pháp khác của chủ đầu tư.

2. Khuyến khích chủ đầu tư trả nợ trước hạn.

3. Đến kỳ hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả nợ và không được gia hạn nợ (kể cả điều chỉnh thời điểm bắt đầu trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) hoặc khoan nợ, thì Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh chuyển số nợ gốc đến hạn phải trả sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi quá hạn theo quy định. Đồng

thời Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh lập ủy nhiệm thu đề nghị Tổ chức tín dụng nơi chủ đầu tư mở tài khoản tiền gửi thu hộ nợ vay (gốc và lãi) và thông báo cho chủ đầu tư biết.

4. Sau khi đã áp dụng các biện pháp thu nợ nói trên mà chủ đầu tư vẫn không trả được nợ. Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh được quyền phát mại tài sản thế chấp, tài sản hình thành bằng vốn vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

5. Trường hợp chủ đầu tư bị phá sản hoặc giải thể trong khi chưa trả hết nợ vốn vay Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh được quyền phát mại tài sản thế chấp, tài sản hình thành bằng vốn vay theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ vay. Số nợ còn lại chưa thu được (nếu có), Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh được dùng quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp theo quy định.

Điều 19. Rủi ro và xử lý rủi ro.

1. Chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ, hoặc miễn giảm lãi tiền vay do các nguyên nhân sau:

a. Do Nhà nước thay đổi chính sách dẫn đến chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc trả nợ.

b. Do nguyên nhân khách quan bất khả kháng: thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ.

2. Trình tự xử lý.

a. Trường hợp do chính sách của Nhà nước thay đổi dẫn đến Chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc trả nợ vay thì được xem xét gia hạn nợ, khoan nợ hoặc miễn, giảm lãi tiền vay. Đối với trường hợp này, Chủ đầu tư có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của cấp quyết định đầu tư gửi cơ quan điều hành tác nghiệp để xem xét và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh thời điểm trả nợ, kỳ hạn nợ, gia hạn nợ; thời hạn gia hạn nợ tối đa bằng 1/2 thời hạn trả nợ đã ghi trong hợp đồng tín dụng.

b. Trường hợp do những rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, hoả hoạn, tai nạn..., làm mất mát, hư hỏng tài sản, được cơ quan Nhà nước thẩm quyền xác nhận mà Chủ đầu tư không trả được nợ, sau khi được nhận tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có) thì bắt buộc phải trả toàn bộ số tiền bồi thường này cho Quỹ HTĐT Hà Tĩnh) và được xem xét khoan, xoá một phần hoặc toàn bộ nợ vay. Trường hợp còn có khả năng trả nợ thì xử lý như điểm a Khoản 2 Điều này.

3. Thẩm quyền xử lý rủi ro.

a. UBND tỉnh quyết định khoan nợ, xoá nợ trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ HTĐT Hà Tĩnh.

b. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định gia hạn nợ, miễn, giảm lãi tiền vay trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh.

4. Bù đắp rủi ro.

a. Các dự án do UBND tỉnh quyết định cho vay nếu gặp rủi ro thì được bổ sung từ Ngân sách tỉnh.

b. Các dự án do Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh quyết định cho vay nếu gặp rủi ro thì được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro hàng năm. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp thì Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo trình UBND tỉnh xem xét quyết định.

Chương IV

HỖ TRỢ LÃI SUẤT SAU ĐẦU TƯ (HTLS SĐT)

Điều 20. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư .

1. Các dự án sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng vay vốn đầu tư theo quy định tại Quy chế này nhưng chưa được vay vốn Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh.

2. Các dự án sản xuất tiểu thủ công nghiệp khác đầu tư trên địa bàn các huyện Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê (địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư).

Điều 21. Điều kiện để được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

1- Dự án thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư quy định tại Điều 20 của Quy chế này chưa được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân sách hoặc từ Ngân hàng phát triển;

2- Chủ dự án là doanh nghiệp trong tỉnh;

3- Dự án hoặc hạng mục công trình chính đã được vay vốn từ các Ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng khác hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

Điều 22. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất sau đầu tư.

Chủ đầu tư chỉ được hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với số vốn vay của tổ chức tín dụng để đầu tư tài sản cố định và trong phạm vi tổng số vốn đầu tư tài sản cố định của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 23. Mức hỗ trợ LSSĐT:

a. Công thức tính:

| | | | | | | | | |
|--------------------|---|--|---|-----|---|---|---|---------------------------------------|
| Mức HTLSSĐT Tối đa | = | Lãi suất vay vốn quy đổi theo năm, theo HĐTD | x | 10% | x | Số vốn vay của TCTD để đầu tư tài sản cố định | x | Số năm vay vốn theo Hợp đồng tín dụng |
|--------------------|---|--|---|-----|---|---|---|---------------------------------------|

b. Mức hỗ trợ tối đa không quá 600 triệu đồng cho mỗi dự án.

c. Đối với dự án vay vốn bằng ngoại tệ: căn cứ vào tỷ giá giao dịch bình quân USD/VND trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng tại thời điểm cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư để quy đổi ra đồng Việt Nam.

d. Việc cấp tiền HTLSSĐT:

Cấp 1 lần sau khi dự án hoặc hạng mục công trình chính đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

Điều 24. Thẩm quyền quyết định.

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định danh mục và mức hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của từng dự án cụ thể.

Những dự án phải hỗ trợ với mức cao hơn do UBND tỉnh quyết định.

Điều 25. Trình tự và thủ tục cấp hỗ trợ lãi suất.

1. Để được xem xét dự án đủ điều kiện ký Hợp đồng và cấp HTLSSĐT, Chủ đầu tư gửi cho Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh hồ sơ xin HTLS SĐT gồm :

- a. Giấy đề nghị cấp HTLS SĐT.
- b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- c. Quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền.
- d. Hợp đồng tín dụng.
- e. Biên bản nghiệm thu bàn giao công trình hoặc hạng mục công trình chính hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng (bản chính).
- g. Giấy nhận nợ kèm kế ước nhận nợ (bản sao có xác nhận của Thủ trưởng và kế toán trưởng cơ quan cho vay).
- h. Các hồ sơ tài liệu khác chứng minh việc sử dụng vốn.

Các giấy tờ qui định tại các điểm a,b,c,d trên đây là bản chính hoặc bản sao có công chứng Nhà nước.

2. Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo qui định tại Khoản 1 Điều này, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh xem xét, nếu đúng đối tượng đủ điều kiện, trình Hội đồng quản lý Quỹ xét duyệt quyết định hỗ trợ lãi suất sau đầu tư. Nếu không đúng đối tượng hoặc không đủ điều kiện thì Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh lập văn bản từ chối gửi Chủ đầu tư, đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản lý Quỹ.

Sau khi có quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ về hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho dự án, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh làm thủ tục ký Hợp đồng hỗ trợ lãi suất sau đầu tư với chủ đầu tư và cấp HTLSSĐT.

Điều 26. Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh được Ngân sách tỉnh cấp vốn để HTLS SĐT theo tiến độ cấp tiền hỗ trợ lãi suất cho các chủ đầu tư. Nguồn vốn hỗ trợ lãi suất được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển hàng năm của Ngân sách tỉnh.

Chương V

CHO VAY TÍN DỤNG NGẮN HẠN HỖ TRỢ XUẤT KHẨU.

Điều 27. Đối tượng được vay vốn ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu bao gồm tất cả các đơn vị sản xuất, chế biến, kinh doanh các mặt hàng xuất khẩu trực tiếp không thuộc danh mục, lĩnh vực Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cam kết bỏ hỗ trợ khi gia nhập WTO.

Điều 28. Điều kiện cho vay ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu.

- 1- Thuộc đối tượng vay vốn quy định tại Điều 27 Quy chế này.
- 2- Có phương án sản xuất kinh doanh đảm bảo khả năng trả nợ.
- 3- Có hợp đồng xuất khẩu trong đó quy định một trong các hình thức thanh toán:

- a. CAD (Giao chứng từ trả tiền ngay)
- b. D/P (nhờ thu trả tiền đổi chứng từ)
- c. TTR (Chuyển tiền bằng điện) trả trong vòng 1 tháng kể từ ngày giao hàng.
- d. D/A (nhờ thủ chấp nhận đổi chứng từ) trả trong vòng 3 tháng kể từ ngày giao hàng.
- e. L/C (Thư tín dụng) trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày giao hàng.

4- Thực hiện đảm bảo tiền vay theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này.

Điều 29. Nguyên tắc vay vốn ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu.

1. Việc cho vay vốn ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu được thực hiện theo từng hợp đồng xuất khẩu.

2. Một hợp đồng xuất khẩu chỉ được áp dụng một hình thức cho vay vốn ngắn hạn (hoặc cho vay trước khi giao hàng hoặc cho vay sau khi giao hàng).

Điều 30. Mức vốn cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn cho vay:

1. Mức vốn vay:

a. Cho vay sau khi ký hợp đồng xuất khẩu: Mức vốn cho vay không quá 70 % giá trị hợp đồng xuất khẩu.

b. Cho vay sau khi mở L/C: Mức vốn cho vay tối đa không quá 80% giá trị L/C có hiệu lực.

c. Cho vay sau khi giao hàng (chỉ áp dụng đối với hình thức thanh toán L/C): Mức vốn cho vay tối đa không quá 90% giá trị hối phiếu hợp lệ hoặc bộ chứng từ hàng xuất. Đối với mặt hàng xuất khẩu bằng hạn ngạch thì mức cho vay tối đa bằng giá trị hàng hoá còn lại trong hạn ngạch tính đến thời điểm vay vốn.

2. Lãi suất:

Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay đầu tư tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng và được giữ cố định trong suốt thời hạn vay vốn. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

3. Thời hạn cho vay:

Thời hạn cho vay được xác định căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng xuất khẩu và thời hạn thanh toán được quy định tại hợp đồng xuất khẩu, L/C nhưng tối đa không quá 12 tháng.

Điều 31. Đồng tiền cho vay và trả nợ: Đồng Việt nam.

Điều 32. Bảo đảm tiền vay.

1. Cho vay sau khi ký hợp đồng xuất khẩu hoặc sau khi mở L/C: Đơn vị phải có tài sản cầm cố, thế chấp trị giá tối thiểu bằng 30% số vốn vay.

1.1- Tài sản thế chấp bao gồm:

- a. Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.
- b. Nhà ở, công trình xây dựng và các tài sản gắn liền với đất, kể cả các tài sản gắn liền với nhà ở, công trình xây dựng (gọi chung là bất động sản)

1.2- Tài sản cầm cố bao gồm:

- a. Động sản gồm: Máy móc, thiết bị không cần lắp đặt, phương tiện vận tải... có tính thanh khoản cao.
- b. Giấy tờ có giá gồm kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu chính phủ, sổ tiết kiệm.

2. Cho vay sau khi giao hàng: Đơn vị được sử dụng hối phiếu hợp lệ hoặc bộ chứng từ hàng xuất hoàn hảo để chứng minh bảo đảm tiền vay.

Điều 33. Trả nợ gốc và lãi tiền vay.

1. Nợ gốc được hoàn trả một lần hoặc nhiều lần phù hợp với số lần thanh toán được quy định trong hợp đồng xuất khẩu.

Nợ lãi trả hàng tháng trên số tiền vay phát sinh. Trường hợp đặc biệt do đơn vị mới thành lập, chưa có nguồn thu nhập khác thì trả cùng kỳ trả nợ gốc.

Điều 34. Thẩm quyền quyết định: Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh quyết định việc cho vay các khoản vay tín dụng ngắn hạn hỗ trợ xuất khẩu.

Chương VI

CƠ CHẾ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

Điều 35. Tổ chức quản lý và điều hành: Bộ máy quản lý Quỹ HTĐT Hà Tĩnh gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng quản lý Quỹ, cơ quan điều hành tác nghiệp (Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh).

1- Hội đồng quản lý Quỹ gồm các thành viên kiêm nhiệm là :

- a. Chủ tịch Hội đồng : Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
- b. Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Tài chính.
- c. Các uỷ viên Hội đồng: Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư; Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ; Trưởng ban kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh.

Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan giúp UBND tỉnh xây dựng phương hướng hoạt động của Quỹ: Kế hoạch tín dụng, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư; Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Quỹ (cơ quan điều hành tác nghiệp), xem xét quyết định đối tượng hỗ trợ trong từng thời kỳ, quyết định lãi suất cho vay đầu tư theo từng năm, quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ quy định trong Quy chế này. Kiểm tra việc thẩm định của Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh về phương án trả nợ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định cho vay của UBND tỉnh; trình UBND tỉnh bổ sung, sửa đổi Quy chế, chính sách hoạt động của Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo nguyên tắc tập thể và

hoạt động theo quy chế do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

2. Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng quản lý Quỹ gồm các chuyên viên của các cơ quan là thành viên HĐQT Quỹ sau đây: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, Ban ngân sách HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch và đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh. Tổ chuyên viên có một Tổ trưởng và một thư ký cho HĐQT Quỹ do Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh cử và được HĐQT Quỹ chấp thuận. Tổ chuyên viên có nhiệm vụ giúp Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện các nhiệm vụ của mình. Tổ chuyên viên hoạt động theo quy chế làm việc do Chủ tịch HĐQT Quỹ ban hành.

3. Cơ quan điều hành tác nghiệp: Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh.

Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh là cơ quan được uỷ thác điều hành quản lý nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh, có quyền hạn và nghĩa vụ như sau:

3.1. Quyền hạn:

a. Được sử dụng bộ máy và con dấu của Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh để điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ đầu tư; nếu cần thiết được hợp đồng thêm lao động để đảm bảo hoạt động của bộ máy.

b. Được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước tỉnh và Ngân hàng thương mại trên địa bàn để giao dịch, thanh toán với khách hàng có quan hệ trực tiếp đến các hoạt động của Quỹ hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh.

c. Thực hiện việc thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ của các dự án vay vốn Quỹ Hỗ trợ đầu tư và quyết định cho vay đối với những dự án có mức vốn vay tối đa 1 tỷ đồng. Từ chối và kiến nghị với cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc báo cáo UBND tỉnh quyết định xử lý đối với các dự án không đúng đối tượng, không có hiệu quả, không đảm bảo điều kiện vay vốn Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh.

d. Ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng hỗ trợ lãi suất, cấp vốn vay, cấp hỗ trợ lãi suất; Thực hiện việc thu nợ (gốc và lãi). Yêu cầu các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin, hỗ trợ các biện pháp thu nợ. Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng của doanh nghiệp. Kiểm tra, kiểm soát chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án và những vấn đề liên quan đến quản lý sử dụng vốn Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh. Thực hiện việc xử lý tài sản đảm bảo nợ vay. Báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết theo pháp luật hoặc khiếu nại theo pháp luật đối với các chủ đầu tư vi phạm hợp đồng kinh tế và các cam kết đối với Chi nhánh Ngân hàng phát triển .

e. Được hưởng phí uỷ thác với tỷ lệ 0.2%/tháng trên số dư nợ bình quân. Trong đó 70% dùng để lập Quỹ dự phòng rủi ro, 30 % dùng để chi phí cho hoạt động của bộ máy quản lý điều hành Quỹ. Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc quản lý và sử dụng số kinh phí nói trên.

3.2. Nghĩa vụ:

a. Nghiên cứu và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh, toàn diện kế hoạch hỗ trợ đầu tư phát triển trên địa bàn.

b. Huy động, tiếp nhận, quản lý sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ đầu tư theo đúng quy định tại Quy chế này.

c. Chấp hành Quy chế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ đầu tư Hà Tĩnh, các quyết định của UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất với UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp về nội dung báo cáo, về các hoạt động tài chính, hoạt động nghiệp vụ.

d. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về kết quả hoạt động và các nghiệp vụ Chi nhánh thực hiện.

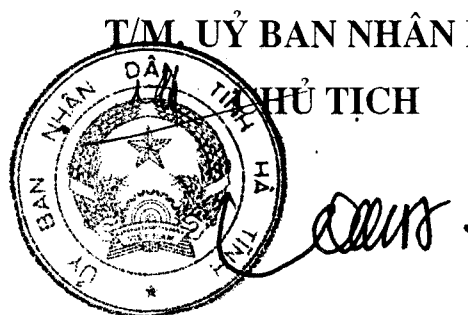
Điều 36. Thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ.

Hàng năm Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra báo cáo quyết toán tài chính của Quỹ HTĐT Hà Tĩnh.

Điều 37. Hiệu lực thực hiện.

1. Đối với các dự án đã ký hợp đồng với Chi nhánh Ngân hàng phát triển Hà Tĩnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực, được thực hiện theo các quy định ghi trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này nếu có khó khăn vướng mắc, Hội đồng quản lý Quỹ nghiên cứu, đề xuất kịp thời trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung.



Lê Văn Chất